

Số: 61 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực thôn Ao Gáo, thôn Trại Vành, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 23/TTr-TNMT ngày 19/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực thôn Ao Gáo, thôn Trại Vành, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Khoáng sản Vũ Gia BG (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Ao Gáo, thôn Trại Vành, xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề

¹ Thành lập theo Quyết định số 1288/QĐ-TNMT ngày 14/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

ngộ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương; UBND huyện Yên Thế, UBND xã Đồng Hưu, Công ty TNHH Khoáng sản Vũ Gia BG và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(ĐẤT SAN LẤP MẶT BẰNG) TẠI KHU VỰC THÔN AO GÁO, THÔN
TRẠI VANH, XÃ ĐỒNG HƯU, HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG”
(Kèm theo Quyết định số 61 /QĐ-UBND ngày 22 /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực thôn Ao Gáo, thôn Trại Vanh, xã Đồng Hữu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang”.

- Địa điểm thực hiện: khu vực thôn Ao Gáo, thôn Trại Vanh, xã Đồng Hữu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Khoáng sản Vũ Gia BG.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Khu vực dự án thuộc địa phận khu vực thôn Ao Gáo, thôn Trại Vanh, xã Đồng Hữu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

* Quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Khai thác tận thu tối đa khoáng sản không tái tạo được, áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, bảo vệ tốt môi trường khu vực và các vùng lân cận. Khai thác đất san lấp tại khu vực thôn Ao Gáo và thôn Trại Vanh, xã Đồng Hữu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang nhằm phục vụ nhu cầu của huyện Yên Thế và khu vực lân cận. Với diện tích 20,0 ha; diện tích huy động đưa vào khai thác là **18,87 ha**.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 3.137.885 m³.

- Công suất khai thác mỏ tối đa: 550.000 m³/năm.

- Mức sâu kết thúc khai thác: cốt +30.

- Tuổi thọ mỏ: 7 năm (bao gồm cả giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ 01 năm).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà văn phòng; Tuyến đường vận chuyên ngoài mỏ; tuyến hào mở vỉa; bãi rửa, tập kết xe; mốc lộ giới, camera giám sát; trạm cân 50 tấn; kho chất thải nguy hại; nhà vệ sinh; thùng chứa chất thải; xe bồn; hố lắng, rãnh thoát nước, ...

- Hoạt động của dự án đầu tư: Đền bù, giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt; xây dựng tuyến hào mở vỉa, cải tạo tuyến đường hiện trạng; xây dựng các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường; tạo diện khai thác đầu tiên; xây dựng hố lắng, rãnh thoát nước; hoạt động khai thác, vận chuyên đất,...

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực dự án là 20 ha, trong đó, khu vực được phép huy động vào khai thác là 18,87 ha, phần diện tích 1,13 ha đất lúa không huy động khai thác, được giữ nguyên hiện trạng. Toàn bộ diện tích đất này là đất rừng sản xuất, đất lúa nước còn lại, đất trồng cây hàng năm, cây ăn quả, đất ở nông thôn và đất khác thuộc quản lý, sử dụng của 66 hộ gia đình, cá nhân tại địa phương được Nhà nước giao đất sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thảm thực vật, vận chuyển cây cối phát quang.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc,....:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và cây cối phát quang, từ quá trình phát quang thảm thực vật, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

++ Bụi, khí thải từ quá trình thi công xúc bốc, làm đường giao thông, san gạt tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hồ lắng, rãnh thoát nước, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị và nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; chất thải từ hoạt động phát quang thảm thực vật; chất thải từ hoạt động xây dựng. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở, sụt lún; sự cố tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tác động tới môi trường:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp, từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác trên công trường.

++ Bụi từ mặt đường cuốn theo xe vận chuyển đất san lấp; từ quá trình xúc

bốc trên khu vực khai thác.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước mưa chảy tràn trên khai trường; nước thải từ quá trình rửa xe.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân; đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển đất; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình khai thác.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố sạt lở; sự cố do thiên tai; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn lao động, sự cố tai nạn giao thông, sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD5, TSS, Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 2 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD5, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công cuốn theo đất đá, rác, dầu mỡ... xuống hệ thống thoát nước của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và cây cối phát quang, từ quá trình phát quang thảm thực vật, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Bụi, khí thải từ quá trình thi công xúc bốc, làm đường giao thông, san gạt tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hồ lắng, rãnh thoát nước, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 7,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 283,05 tấn, với thành phần chủ yếu là thân cây, cành, rễ, lá cây,...

- Chất thải rắn xây dựng (như: cặn vữa, đầu mẫu sắt, thép...) phát sinh khoảng 2,274 kg trong quá trình thi công xây dựng.

* Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khi bị hỏng đột xuất (như: dầu mỡ, giẻ lau dính dầu...) phát sinh khoảng 1,5 - 2 kg trong cả giai đoạn thi công xây dựng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công, xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động của việc giải phóng mặt bằng, tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực, tác động bởi tiếng ồn, độ rung, tác động tới KT-XH khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố: sự cố sụt lún, sạt lở, sự cố do thiên tai, tai nạn giao thông, tai nạn lao động.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 2,2 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải rửa xe phát sinh khoảng 11,2 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn trên khai trường cuốn theo đất, đá xuống các thủy vực hoặc các vùng đất trũng gây bồi lấp các rãnh thoát nước, cản trở dòng chảy của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng,...

* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp, từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác trên công trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO_x, bụi,...

- Bụi từ mặt đường cuốn theo xe vận chuyển đất san lấp; từ quá trình xúc bốc trên khu vực khai thác, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng 11 kg/ngày.

- Đất, đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển khoảng 1,83 m³/ngày.

* Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại (như: bóng đèn huỳnh quang hỏng, gãy tay, giẻ lau

dính dầu mỡ, dầu mỡ bôi trơn, thùng đựng dầu...) phát sinh khoảng 280 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển, máy móc, thiết bị khai thác như máy xúc, máy ủi, ..., từ các khu tập trung công nhân.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến giao thông khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố sạt lở; sự cố do thiên tai; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố tai nạn lao động, sự cố tai nạn giao thông, sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án thuê 01 nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải 500 lít. Nước và bùn thải từ nhà vệ sinh chủ dự án sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định với tần suất thu gom 1-2 lần/tuần hoặc khi bể chứa chất thải đầy.

*Nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng rãnh thoát nước, hố lắng trong ranh giới mặt bằng sân công nghiệp. Rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài 87 m, chiều rộng mặt rãnh: 1,0 m, chiều rộng đáy rãnh: 0,5m, chiều sâu rãnh: 0,5 m. Bố trí 04 hố lắng (dung tích 40m³/hố) thu gom, lắng cặn nước mưa chảy tràn trước khi tiêu thoát ra môi trường, hố lắng có diện tích 20 m², chiều sâu: 2,0 m.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào các hệ thống cống rãnh thoát nước gây tắc nghẽn, ú đọng.

* Nước thải thi công: Bố trí 02 thùng phi có dung tích 500 lít/thùng để chứa đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới đập bụi trong khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án một cách hợp lý, không để ùn tắc giao thông, lưu lượng quá đông.

- Có nội quy cho xe chở vật liệu xây dựng khi đi vào khu vực để hạn chế tối đa lượng bụi phát tán vào môi trường.

- Thực hiện tưới nước trên khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển

nguyên vật liệu thi công để giảm thiểu bụi với tần suất 2-4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không thực hiện tưới nước vào ngày mưa). Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m².

- Lên kế hoạch tu sửa, cải tạo các tuyến đường vận chuyển, đóng góp kinh phí với chính quyền địa phương để sửa chữa nếu tuyến đường vận chuyển xảy ra hư hỏng xuống cấp.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, luôn để các máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt, hạn chế phát sinh khí thải ảnh hưởng đến môi trường.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt:

- + Thu gom, phân loại chất thải tại nguồn. Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực dự án. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương để xử lý theo quy định với tần suất 03 ngày/lần.

- + Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Chất thải rắn thi công, xây dựng:

- + Chất thải phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Toàn bộ cây lâm nghiệp, cây ăn quả cho người dân tận thu làm củi phục vụ đun nấu. Phần thực bì còn lại được thu gom mang đi xử lý tạo mặt bằng cho quá trình khai thác.

- + Chất thải rắn xây dựng được phân loại và xử lý như sau: Các loại chất thải tái chế được (như: tôn, sắt thép, bao bì...) được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Các loại chất thải xây dựng (như: vữa, cát, sỏi dư thừa...) được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng đường giao thông vào mỏ trong phạm vi khu vực dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 6m², nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng cũng như quá trình mỏ hoạt động khai thác. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định cùng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động khai thác.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn

từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực thi công. Thời gian thi công hoạt động từ 06h-11h30 và 13h-18h.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thi công xây dựng công trình chuẩn bị khai thác đúng theo thiết kế. Trong quá trình thi công thường xuyên đánh giá nguy cơ sụt lún, sạt lở để có phương án xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra hiện tượng sạt lở đất đá phải huy động máy móc, thiết bị tiến hành gia cố, vữa mái bờ để ổn định địa hình.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước không để xảy ra ú đọng, tắc nghẽn rãnh thoát nước khu vực dự án và khu vực xung quanh.

- Trong thời gian mưa bão kéo dài phải tạm dừng hoạt động khai thác, di chuyển công nhân ra khỏi khu vực dự án.

- Trường hợp để xảy ra hiện tượng sạt lở, sụt lún mà xác định nguyên nhân từ hoạt động của dự án, Chủ dự án phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Công nhân được cung cấp đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang,...) và yêu cầu bắt buộc sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong khu vực công trường.

- Bố trí biển cảnh báo khu vực công trường tại điểm đầu nối từ tuyến đường vào mỏ.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Đối với nước thải sinh hoạt:

Ở giai đoạn này, Chủ dự án tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải 500lít ở giai đoạn trước để xử lý nước thải. Nước và bùn thải từ nhà vệ sinh chủ dự án sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định với tần suất thu gom 1-2 lần/tuần hoặc khi bể chứa chất thải đầy.

* Đối với nước mưa chảy tràn: Khai thác đến đâu, chủ dự án sẽ tiến hành tạo rãnh thoát nước mưa đến đó, tại chân tầng chủ dự án tạo các rãnh hứng nước dẫn dòng tập trung phía chân đồi, bố trí các hố lắng để lắng cặn trước khi tiêu thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Thường xuyên nạo vét toàn bộ hệ thống thoát nước và hố lắng với tần suất 3 tháng/lần.

Hệ thống rãnh thoát nước được xây dựng có thông số như sau: chiều rộng mặt trên 1m, chiều rộng đáy 0,5m, chiều sâu rãnh là 0,5m, tổng chiều dài tuyến rãnh thoát nước là 87m. Dẫn về các hố lắng kích thước: dài 5m rộng 4m, sâu 2m, lắng cặn trước khi thoát ra mương thoát nước của khu vực.

* Nước thải từ quá trình rửa xe: Nước thải từ quá trình rửa xe sẽ được thu gom theo rãnh thoát nước (chiều rộng mặt trên 1m, chiều rộng đáy 0,5m, chiều sâu rãnh là 0,5m) và dẫn nước về hố lắng 40m³ bố trí tại khu I có sẵn từ giai đoạn xây dựng cơ bản, được lắng cặn và tuần hoàn sử dụng để rửa xe. Còn phần bùn đất sẽ được nạo vét định kỳ sử dụng cho việc làm vật liệu san lấp mặt bằng.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m³. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m² (theo tiêu chuẩn Việt Nam TCXD33-2006).

+ Công tác tưới nước thực hiện trong ngày trên khu vực khai thác nhằm giảm thiểu bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới nước tùy thuộc vào điều kiện thời tiết (không tưới nước vào ngày mưa), số lần tưới nước trung bình khoảng 2-4 lần, tăng lên 4-6 lần vào ngày khô, nắng nóng.

+ Thực hiện tưới nước trên tuyến đường vận chuyển bắt đầu từ mỏ đến tuyến đường ĐT242 (trong phạm vi bán kính khoảng 2,5km) nhằm giảm thiểu bụi, thời gian tưới và mật độ tưới nước tùy thuộc vào điều kiện thời tiết (không tưới nước vào ngày mưa), số lần tưới nước trung bình khoảng 4-6 lần, tăng lên 6-8 lần vào ngày khô, nắng nóng.

- Bố trí bãi rửa xe, thực hiện xịt rửa xe trước khi ra khỏi mỏ nhằm hạn chế xe kéo theo bùn đất ra đường vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế đất rơi vãi và bụi khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

- Thu dọn đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Duy tu, bảo dưỡng những đoạn đường vận chuyển, không đổ đất bừa bãi. Bố trí kinh phí và phối hợp cùng với địa phương để cải tạo, sửa chữa lại những đoạn đường xuống cấp.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân trong khi làm việc (như: khẩu trang, mũ ủng, quần áo bảo hộ lao động).

- Chủ dự án chỉ sử dụng xe có tải trọng từ 15 tấn trở xuống.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Chất thải rắn thông thường từ quá trình khai thác:

+ Bố trí công nhân, máy gạt thường xuyên thu gom đất, đá rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyển trên đường để tiếp tục được sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng (02 lần/ngày).

+ Không đổ đất, đá quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe, tránh làm đất, đá rơi xuống đường vận chuyển.

+ Các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ.

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng rác có dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy để thu gom chất thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại, mỗi thùng có dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Sử dụng kho chứa chất thải nguy hại diện tích 06 m², xung quanh vây tôn, mái lợp tôn, nền xi măng, có cửa khóa, biển cảnh báo đã lắp dựng từ giai đoạn xây dựng cơ bản. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại tần suất 01 lần/năm.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao;

- Máy móc thiết bị phục vụ khai thác đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Khi vận chuyển qua khu dân cư đặc biệt lưu ý các xe ô tô không được rú ga, còi xe bừa bãi gây tiếng ồn, mà phải tuân thủ đúng luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Không khai thác, vận chuyển vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và vào ban đêm (từ 19 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không gây ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án cũng như những hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển đất.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Phương án được lựa chọn thực hiện:

*** Đối với khu vực kết thúc khai thác và các taluy bảo vệ:**

- Đối với khu vực kết thúc:

Phần lớn mặt bằng kết thúc đã bằng phẳng theo thiết kế (cos kết thúc +30m) có tổng diện tích 172.802m² (sau khi trừ đi diện tích taluy, diện tích đất lúa không đưa vào khai thác).

Khai trường kết thúc khai thác ở mức cốt +30m phần lớn mặt bằng kết thúc đã bằng phẳng theo thiết kế có tổng diện tích 172.802m² (sau khi trừ đi diện tích taluy, diện tích đất lúa không đưa vào khai thác). Cụ thể:

- Khu I: 68.991 m²

- Khu II: 43.895 m²

- Khu III: 59.916 m²

Quá trình khai thác đã tiến hành vừa khai thác, vừa san gạt tạo mặt bằng đúng yêu cầu thiết kế, do đó trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường Chủ dự án thực hiện san gạt nhẹ tạo mặt bằng bằng phẳng để thuận lợi cho việc đào hố, bổ sung đất màu và trồng cây lâm nghiệp. Diện tích san gạt chiếm 10% tổng diện tích kết thúc khai thác, chiều cao san gạt trung bình 0,1m, khối lượng san gạt 1.728,02m³.

Quá trình trồng cây sẽ được thực hiện đồng thời với quá trình san gạt, san gạt đến đâu trồng cây đến đó. Diện tích trồng cây khoảng: Tổng diện tích mỏ (200.000 m²) - diện tích đường nội bộ giữ lại (4914 m²) – diện tích taluy và diện tích đất lúa không tính vào khai thác (22.284m²) = 172.802m².

Số hố trồng cây phải đào trên khu vực kết thúc khai thác ở cốt +30m như sau (mật độ cây 2.200 cây/ha): 17,28ha x 2.200 cây/ha = 38.016 hố.

- Mái taluy bảo vệ được tạo ngay trong quá trình khai thác với góc nghiêng sườn tầng kết thúc 68⁰, khai thác đến đâu tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc đến đó dùng máy xúc gia cố góc dốc sườn tầng đảm bảo theo thiết kế nhằm giảm bớt chi phí trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường. *(Ở giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường không phải tiến hành gia cố lại các khu vực này).*

Tiến hành trồng cây trên mái taluy, rộng 2,5m. Do vậy, lựa chọn phương án trồng cây thành 1 hàng trên mỗi tầng taluy. Tổng chiều dài taluy cần trồng: 2076m, khoảng cách trung bình 2,5m/cây. Số cây cần trồng trên taluy là 830 cây (tương đương 0,377 ha). Tổng số hố cây cần trồng: 38.016 + 830 = 38.846 hố.

*** San lấp hệ thống rãnh thoát và hố lắng**

Đối với hệ thống rãnh thoát nước, hố lắng, chủ dự án tiến hành san lấp, hoàn trả mặt bằng:

+ Rãnh thoát nước khu vực kết thúc khai thác, với chiều dài 87 m, chiều rộng đáy 0,5m, chiều sâu rãnh là 0,5m. Đến năm kết thúc khai thác, rãnh được san gạt

bằng cos cao độ của địa hình kết thúc, vì vậy giai đoạn phục hồi không tiến hành san gạt. Khối lượng đất san lấp khoảng 33m^3 lấy từ đất san gạt mặt bằng kết thúc khai thác.

+ Hồ lắng: 04 hồ lắng dung tích $40\text{m}^3/\text{hồ}$, Kích thước mỗi hồ lắng: 20m^2 , chiều sâu 2m. sử dụng đất từ quá trình san gạt để lấp toàn bộ 4 hồ lắng. Khối lượng đất cần san lấp là 160m^3 .

*** Tháo dỡ các công trình**

- Kho chứa chất thải được xây dựng, lắp đặt đơn giản vật liệu chủ yếu là thép, tôn nên sẽ được tháo dỡ hoàn toàn, tận thu nguyên liệu sử dụng cho mục đích khác.

- Nhà văn phòng (container), nhà vệ sinh di động: hoàn trả nhà cung cấp.

- Các công trình lắp đặt như: kho chứa chất thải, Camera giám sát, trạm cân, mốc giới sẽ được chủ dự án tháo dỡ thu hồi hoàn toàn sử dụng cho mục đích khác, tránh lãng phí.

+ Đối với camera giám sát: Số lượng 01 chiếc.

+ Đối với trạm cân: Số lượng 01 trạm.

+ Đối với mốc giới (68 chiếc) được thiết kế theo quy cách: $(0,2 \times 0,3 \times 0,8)\text{m}$.

Khối lượng mốc giới cần tháo dỡ: $0,2 \times 0,3 \times 0,8 \times 68 = 3,264\text{m}^3$.

*** Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ**

- Tuyến đường đất nối các khu trong mỏ có chiều dài khoảng 141m, chiều rộng trung bình khoảng 8,0m. Sau khi kết thúc khai thác, Chủ dự án sẽ tiến hành san gạt lại tuyến đường vào mỏ sau đó hoàn trả lại mặt bằng như ban đầu và bàn giao đất cho hộ dân cho mượn đất để quản lý, sử dụng theo quy định.

Chiều cao san gạt trung bình 0,2m.

Khối lượng san gạt: $141\text{m} \times 0,2\text{m} \times 8,0\text{m} = 225,6\text{m}^3$.

- Đối với tuyến đường nội bộ mỏ nằm trong diện tích mỏ, sẽ được san gạt, cải tạo phục hồi cùng với quá trình kết thúc khai thác, phục hồi khu vực kết thúc ở cốt +30m.

*** Lắp đặt biển cảnh báo**

Do đặc thù của khu mỏ là khai thác đất với diện tích rộng (khoảng 18,87 ha). Do vậy việc lắp đặt biển cảnh báo tại một số vị trí người dân thường xuyên đi lại qua, để quan sát, nguy cơ cao sạt lở, có độ chênh lệch cao, có nguy cơ mất an toàn cụ thể như sau: Cột biển báo bằng ống kẽm $\phi 60$, kích thước biển báo $0,6\text{m} \times 0,6\text{m}$, chất liệu bằng tôn thép không rỉ, số lượng 15 biển.

b. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Biện pháp thi công	Ghi chú
I. Các công trình tháo dỡ					
1	Kho CTNH	m ²	06	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
2	Camera giám sát	Chiếc	01	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
3	Trạm cân	Trạm	01	Thủ công - máy	Tháo dỡ, thu hồi
4	Nhà vệ sinh di động	Chiếc	01	Thủ công	Trả lại nhà cung cấp
5	Móc giới (68 chiếc)	m ³	3,264	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
6	Nhà văn phòng (nhà container)	Chiếc	01	Tháo dỡ, thu hồi	Trả lại nhà cung cấp
II. Cải tạo đường giao thông					
1	Cải tạo tuyến đường đất (141 m)	m ³	225,6	Thủ công - máy	-
III. Cải tạo mặt bằng kết thúc khai thác					
1	San gạt kết thúc ở mức cốt +30	m ³	1.728,02	Máy ủi 110 cv	-
2	Lắp đặt biển cảnh báo	Chiếc	15	Thủ công	-
IV. Đào hố, trồng cây, bổ sung đất màu khu vực kết thúc khai thác					
1	Diện tích trồng cây trên khu vực kết thúc (17,65ha)	Hố	38.846	Thủ công	-
V. Nạo vét hệ thống thoát nước, bảo dưỡng duy tu các công trình sau cải tạo					
1	San lấp hố lửng, rãnh thoát nước	m ³	193	Thủ công - máy	-
2	Duy tu các công trình sau cải tạo	Hệ thống	Toàn bộ khu vực cải tạo, phục hồi	Thủ công - máy	-

c. Kế hoạch thực hiện:

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại; Tháo dỡ Camera giám sát; Tháo dỡ

trạm cân; Tháo dỡ mốc giới (68 chiếc); San gạt khu vực kết thúc khai thác; Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ; Lắp đặt biên cảnh báo; Hoàn thành trong thời gian 9,6 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Trồng và chăm sóc cây trên mặt bằng kết thúc khai thác: Thực hiện trong thời gian 03 năm, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

d. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là: **2.942.949.000** đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Thời gian khai thác là 7 năm (bao gồm cả giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ 01 năm, không bao gồm thời gian cải tạo phục hồi môi trường) do đó Chủ dự án sẽ tiến hành ký quỹ thành nhiều lần. Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ.

Số tiền ký quỹ lần đầu: $2.942.949.000 \times 25\% = 735.737.250$ đồng.

Từ năm thứ hai trở đi, số tiền phải ký quỹ là:

$(2.942.949.000 - 735.737.250)/(7-1) = 367.868.625$ đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Bố trí cán bộ phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất xảy ra.

- Công nghệ khai thác đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác:

+ Khai thác theo lớp bằng vận tải trực tiếp từ trên xuống dưới. Quá trình khai thác sẽ tạo ra các tầng và mặt tầng bảo vệ theo quy định nhằm chống sạt lở đất, đá xung quanh, đảm bảo an toàn trong khai thác.

+ Đối với khu vực khai thác: Tiến hành khai thác theo trình tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng đảm bảo theo thiết kế, hạn chế tối đa khả năng sạt lở khu đất xung quanh.

+ Ưu tiên xử lý khu vực có độ cao lớn, vách vĩa thẳng đứng về trạng thái ổn định an toàn trước khi tiến hành khai thác.

+ Trong quá trình khai thác chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng thiết kế, tạo độ dốc taluy phù hợp thuận tiện cho việc tiêu thoát nước hạn chế ứng động làm giảm sự liên kết của đất đá.

+ Những khu vực tiếp giáp có nguy cơ sạt lở, sụt lún cần củng cố ổn định. Chủ dự án thực hiện giải pháp tránh sạt lở đất, xói mòn như sau: Tiến hành khai thác đến đâu tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc đến đó, gia cố góc dốc sườn tầng đảm bảo theo thiết kế. Mái taluy bảo vệ được tạo ngay trong quá trình khai thác với góc nghiêng sườn tầng kết thúc 68° .

- Trường hợp xảy ra sạt lở trong quá trình khai thác của dự án, chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp: Dừng ngay hoạt động khai thác, vận chuyển đất; báo cáo cho

cán bộ giám sát nhằm kịp thời có phương án xử lý phù hợp đảm bảo an toàn về người và các khu vực giáp ranh; thực hiện việc khảo sát, xác định chiều dài đoạn bị sạt lở; lên phương án gia cố và tiến hành gia cố: Huy động máy móc, thiết bị tiến hành thi công gia cố, dùng máy xúc vỡ mái bờ để làm ổn định địa hình.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại khu vực dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, Chủ dự án sẽ tu sửa cải tạo kịp thời những đoạn đường bị hư hỏng có xe vận tải của dự án đi qua.

- Chủ dự án cam kết sử dụng xe có trọng tải từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất đi san lấp. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất đi san lấp thì Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị quản lý tuyến đường để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực xây dựng mỏ.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

5.1.2 . Nước thải sinh hoạt:

- Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 1,5m³ /ngày. Căn cứ khoản 2 điều 97 và phụ lục XXVIII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.1.3 . Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực khai thác.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

5.2.2 . Nước thải sinh hoạt:

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 2,2 m³/ngày. Căn cứ khoản 2 điều 97 và phụ lục XXVIII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.2.3 . Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TTBTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật liên quan trước khi triển khai dự án.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 23/TTr-TNMT ngày 19/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.